

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DS-PT

Ngày 27 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam.

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh.

Bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLPT-TC ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Ngọc H. Địa chỉ: T 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lò Thị Ánh T1. Địa chỉ: T 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị B. Địa chỉ: T 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. *Người làm chứng:*

- Chị Bùi Thủy T2. Địa chỉ: T 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị Bích N. Địa chỉ: T 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. *Người kháng cáo:* Chị Lò Thị Ánh T1 (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Ngọc H trình bày:

Vào tháng 4/2019, chị Lò Thị Ánh T1 có gọi điện thoại hỏi vay anh 20.000.000 đồng cho mẹ đẻ là bà Lò Thị T3. Do cùng đồng hương huyện S nên anh đã đồng ý và mang tiền đến nhà cho chị T1 vay làm hai lần: Lần 1 anh cho vay 15.000.000 đồng; lần thứ hai anh cho vay 5.000.000 đồng. Khi giao nhận tiền tại nhà chị T1, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ và không tính lãi suất vay, thời hạn trả nợ là tháng 8/2019.

Đến thời hạn trả nợ, anh nhiều lần đòi chị T1 số tiền nêu trên nhưng chị T1 khất lần không trả nên anh đã nói lại với vợ của anh là chị Nguyễn Thị B về việc anh cho chị T1 vay 20.000.000đ. Ngày 30/6/2019, chị B gọi điện thoại và nhắn tin cho chị T1 để đòi số tiền anh cho vay nhưng chị T1 không trả.

Tối ngày 23/10/2019, anh cùng với chị B và chị Bùi Thủy T2 (Cháu họ chị B) lên nhà chị T1 để yêu cầu trả nợ, chị T1 đã đề nghị cho được trả góp hàng tháng và chị T2 đã quay video cuộc nói chuyện này. Tuy nhiên, sau đó chị T1 vẫn không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận.

Do đó, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T1 phải trả lại cho anh 20.000.000đ.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lò Thị Ánh T1 trình bày:

Chị và anh H là bạn đồng hương cùng huyện S. Trong quá trình làm bạn, anh H có nảy sinh tình cảm với chị và nhiều lần mua quà tặng chị. Khi thấy tình cảm của anh H vượt quá giới hạn bạn bè, chị đã chủ động hạn chế liên lạc với anh H nhưng anh H vẫn nhắn tin, gọi điện làm phiền và gây khó dễ với chị.

Ngày 20/6/2019, chị Nguyễn Thị B là vợ anh H nhắn tin đòi tiền và dọa sẽ cho chồng chị biết về mối quan hệ cũng như những tin nhắn giữa chị với anh H nên chị đã nhắn tin nhận với chị B là có vay của anh H 20.000.000đ, mục đích chị nhận vay tiền là để gây mâu thuẫn cho vợ chồng anh H, chị B.

Đối với việc gia đình anh H kéo đến nhà chị để đòi tiền, thời điểm đó chỉ có một mình chị và 02 con nhỏ ở trong nhà, chị sợ bị đánh nên mới nhận là có nợ tiền anh H và xin trả dần.

Chị khẳng định không được vay của anh H 20.000.000đ nêu trên. Anh H cũng không đưa ra được giấy tờ chứng minh việc đã cho chị vay số tiền này, không chứng minh được cho chị vay loại tiền gì và không có ai làm chứng việc vay tiền, nên chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị là vợ của anh H. Khi anh H cho chị T1 vay tiền thì chị không được biết. Đến khi anh H đòi tiền nhưng chị T1 không trả thì anh H mới nói cho chị biết về việc đã cho chị T1 vay 20.000.000đ nhưng hai bên chỉ thỏa thuận miệng

và không lập giấy tờ vay tiền.

Ngày 20/6/2019, chị nhắn tin cho chị T1 để đòi số tiền anh H đã cho vay nêu trên, chị T1 xác nhận có vay của anh H 20.000.000đ và hẹn đến tháng 8/2019 sẽ thu xếp để trả tiền cho anh H. Do đó, chị nhất trí với việc anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T1 phải trả 20.000.000đ anh H đã cho vay nêu trên.

Người làm chứng bà Lò Thị T3 trình bày: Năm 2019, bà không nhờ con gái là chị Lò Thị Ánh T1 vay tiền hộ. Việc chị T1 vay anh H bao nhiêu tiền, mục đích để làm gì bà không được biết. Vào tháng 11/2019, bà thấy trên mạng xã hội có đăng tin chị T1 vay anh H 20.000.000đ nên bà đã gọi vào số điện thoại của người đăng tin thì thấy có một người nhận là con gái của anh H, chị B nghe máy. Người này nói chị T1 có vay tiền của bố mẹ mình. Bà nói muốn gặp chị B nhưng người này nói chị B không có nhà. Đối với việc anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T1 trả nợ bà không liên quan và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng chị Bùi Thủy T2 trình bày: Tối ngày 23/10/2019, chị cùng với anh H, chị B đến nhà chị T1 để đòi 20.000.000đ mà anh H cho chị T1 vay. Quá trình trao đổi, chị T1 xác nhận có vay của anh H 20.000.000đ và hứa sẽ thu xếp trả cho anh H, chị B số tiền đã vay. Chị T2 đã dùng điện thoại di động quay video về việc đòi nợ tại nhà chị T1.

Người làm chứng Lê Thị Bích N trình bày: Vào ngày 23/4/2019, chị đang ở nhà thì thấy có số điện thoại 0367841077 gọi vào điện thoại của mẹ chị là Nguyễn Thị B. Khi chị nghe máy thì người này giới thiệu tên là T3, mẹ của chị T1 và nói muốn được gặp chị B. Do chị B không có nhà nên chị đã nói chuyện với bà T3, nội dung nói chuyện bà T3 xác nhận có nhờ chị T1 vay tiền và biết việc chị T1 vay tiền của bố mẹ chị, đồng thời hứa sẽ bảo chị T1 sớm trả nợ cho bố mẹ chị. Chị đã ghi âm lại nội dung cuộc nói chuyện giữa chị N và bà T3 như trên.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 17/7/2020, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chị Lò Thị Ánh T1 có trách nhiệm trả cho anh Lê Ngọc H số tiền vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ Luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự và trách nhiệm thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2020, chị Lò Thị Ánh T1 kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh

Sơn La.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Lò Thị Ánh T1 xác định chị nhận được nhiều quà do anh H tặng (trong đó hiện chị còn giữ chiếc áo trị giá khi mua 4 triệu; còn vàng thì chị cũng đã bán; các quà kỷ niệm khác không còn), nhưng chị không được vay 20.000.000đ của anh H. Đối với chứng cứ là nội dung tin nhắn với chị Nguyễn Thị B là vợ của anh H và đoạn video clip do chị Bùi Thủy T2 là cháu họ của anh H, chị B quay đều không khách quan vì đây đều là người thân thích của anh H và chị B. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không đưa ra được căn cứ chứng minh đã giao tiền cho chị ở đâu? Loại tiền gì? Có ai là người chứng kiến? Ngày 23/10/2019, do bị gia đình anh H dọa dẫm nên chị mới phải nhận trả nợ. Do đó, chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H.

Anh Lê Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào chứng cứ là nội dung tin nhắn giữa chị T1 với vợ anh là chị Nguyễn Thị B và đoạn video clip do chị Bùi Thủy T2 quay lại vào ngày 23/10/2019 tại nhà chị T1 để buộc chị T1 phải trả cho anh 20.000.000đ như quyết định của bản án sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị B nhất trí với ý kiến của anh Lê Ngọc H, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Lò Thị Ánh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La.

Người làm chứng chị Lê Thị Bích N xác nhận đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị với bà T3 vào ngày 23/4/2019 do chị tự ghi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử chấp nhận về hình thức nhưng không chấp nhận về nội dung kháng cáo của chị Lò Thị Ánh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La.

Về án phí: Chị Lò Thị Ánh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Lê Ngọc H cho rằng đã cho chị Lò Thị Ánh T1 vay 20.000.000đ. Do chị T1 không trả nợ nên anh H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Xét bị đơn chị Lò Thị Ánh T1 cư trú tại huyện P, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo đơn khởi kiện của anh H là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Lò Thị Ánh T1 kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị Nguyễn Thị B (vợ anh H) đã giao nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm các tài liệu, chứng cứ gồm: Ảnh chụp màn hình tin nhắn điện thoại, tin nhắn Messenger giữa chị T1 và chị B từ ngày 30/6/2019 đến ngày 06/10/2019; File ghi âm cuộc gọi giữa bà Lò Thị T3 (mẹ chị T1) và chị Lê Thị Bích N (con gái anh H chị B); đoạn video clip do chị Bùi Thủy T2 (cháu họ của anh H, chị B) quay tại nhà chị T1 vào tối ngày 23/10/2019 trong đó có nội dung chị T1 xác nhận có vay tiền của anh H và hứa hẹn trả tiền cho anh H, chị B để chứng minh việc anh H đã cho chị T1 vay số tiền 20.000.000đ.

Chị Lò Thị Ánh T1 xác định những tin nhắn với chị B và lời nói trong đoạn video clip do gia đình anh H cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm, trong đó có nội dung chị T1 xác nhận có vay của anh H 20.000.000đ và hứa hẹn sẽ thu xếp để trả tiền cho anh H là của chị T1. Tuy nhiên, chị T1 khẳng định không được vay của anh H số tiền nêu trên, việc chị T1 nhắn tin nhận có vay tiền của anh H mục đích là để gây mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh H, còn việc chị T1 hứa hẹn sẽ thu xếp trả tiền cho anh H khi gia đình anh H lên đòi nợ vào ngày 23/10/2019 là do khi đó chỉ có chị T1 và 02 con nhỏ ở nhà, nên sợ bị gia đình anh H đánh đập.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của anh Lê Ngọc H, chị Lò Thị Ánh T1, chị Nguyễn Thị B, người làm chứng chị Bùi Thủy T2, chị Lê Thị Bích N và các tài liệu, chứng cứ gồm: Ảnh chụp màn hình tin nhắn điện thoại, tin nhắn Messenger giữa chị T1 với chị B; File ghi âm cuộc gọi; Đoạn video clip do chị Bùi Thủy T2 quay tại nhà chị T1 vào tối ngày 23/10/2019 làm căn cứ để xem xét, giải quyết vụ án.

Đối với ảnh chụp màn hình tin nhắn điện thoại, tin nhắn Messenger giữa chị T1 và chị B: Tại Giấy xác nhận của Trung tâm Viettel huyện P xác định số thuê bao 0328507626 thuộc quyền sở hữu của chủ thuê bao Lò Thị Ánh T1 và thuê bao không có tranh chấp sở hữu. Chị T1 cũng xác nhận những tin nhắn này do chị T1 nhắn tin nên có đủ cơ sở tin cậy giá trị chứng minh của chứng cứ này. Nội dung các tin nhắn xác định chị T1 thừa nhận có vay của anh H 20.000.000đ và hứa hẹn sẽ thu xếp để trả nợ cho anh H, chị B. Việc chị T1 cho rằng việc chị nhắn tin nhận nợ nhằm mục đích gây mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh H là không phù hợp với thực tế.

Đối với đoạn video clip do chị Bùi Thủy T2 quay lại tại nhà chị T1 vào tối ngày 23/10/2019: Nội dung đoạn hội thoại giữa chị T1, anh H và chị B trong đoạn video clip cũng thể hiện chị T1 xác nhận có được vay tiền của anh H nhưng chưa thu xếp được tiền để trả và xin được trả dần cho anh H chị B. Chị T1 thừa nhận video clip là có thật và xác nhận nội dung là chị thừa nhận có nợ tiền anh H và xin được trả dần trong video clip này. Chị T1 lý giải chị nhận nợ và hẹn trả dần vì chị sợ gia đình anh H hành hung. Tuy nhiên lý giải này là không có căn cứ vì đoạn video clip này thể hiện chị T1 chưa có dấu hiệu bị hành hung và chưa có biểu hiện sợ hãi.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên được xác định là chứng cứ và việc Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng chứng cứ này làm căn cứ để giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung các tài liệu, chứng cứ này phù hợp với lời trình bày của anh H, chị T1, chị B và những người làm chứng là chị Bùi Thủy T2. Mặc dù chị T1 không thừa nhận được vay tiền của anh H nhưng căn cứ vào tin nhắn khất nợ của chị T1, lời nói khất nợ của chị T1 thì có đủ căn cứ xác định chị T1 có vay của anh H 20.000.000đ (ngoài các tài sản mà chị T1 khai là anh H đã tặng cho chị và thực tế thì anh H cũng không đòi các quà tặng này).

Chị T1 khai chị nhận tin nhận nợ, có lời nói nhận nợ, hẹn trả nợ nhằm mục đích để gây mâu thuẫn giữa anh H, chị B và do sợ bị hành hung, nhưng chị T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T1 trả cho anh H số tiền 20.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, chị T1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nên kháng cáo của chị T1 là không có căn cứ chấp nhận; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Lò Thị Ánh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lò Thị Ánh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La như sau:

1. Chị Lò Thị Ánh T1 phải trả nợ cho anh Lê Ngọc H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

2. Về án phí:

Chị Lò Thị Ánh T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm và 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0000651 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sơn La, còn phải nộp tiếp 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Anh Lê Ngọc H được trả lại 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0003872 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Người kháng cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nam